TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày 03 - 3 - 2023
V/v tranh chấp xin ly hôn, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dư Thị Út

2. Bà Khưu Liên Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Như – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXX-ST ngày 13 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Phan Thanh T, sinh năm 2000; địa chỉ: Ấp LII, xã Vĩnh Mỹ B, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn*: Chị Lê Trang Bảo C, sinh năm 2000; địa chỉ: Số nhà A, khóm N, phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Các đương sự có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Phan Thanh T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh T và chị C tự nguyện kết hôn có tổ chức đám cưới theo phong tục vào năm 2021 và có đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật vào ngày 21/5/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Mỹ B, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị lúc đầu

rất hạnh phúc nhưng về sau, do bất đồng quan điểm sống, không phù hợp về tính tình nên phát sinh mâu thuẫn. Tuy hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn, tạo cơ hội cho đôi bên nhưng mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Nay Anh T cảm thấy cuộc sống vợ chồng với chị C không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên Anh T xin ly hôn với chị C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung gồm 01 lắc tay vàng 18k trọng lượng 15 chỉ, 01 dây chuyền 18k trọng lượng 03 chỉ, 08 chỉ vàng 24k là tài sản của chung vợ chồng anh chị được cho trong thời kỳ hôn nhân. Đối với 08 chỉ vàng 24k chị C tự bán được số tiền 60.000.000 đồng và chị C là người quản lý tất cả tài sản này. Nay anh T yêu cầu chia đôi số tài sản chung này mỗi người ½. Đối với 18 chỉ vàng 18k thì anh T yêu cầu chị C trả cho anh giá trị bằng tiền của 09 chỉ vàng 18k, số tiền 60.000.000 đồng do chị C xác định giá trị 08 chỉ vàng 24k chỉ có giá trị 43.000.000 đồng thì anh cũng thống nhất và anh T yêu cầu chị C trả cho anh số tiền 21.500.000 đồng.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai và các lời khai trong quá tình tố tung tại tòa án bị đơn chị Lê Trang Bảo C trình bày*:

Về hôn nhân: Chị C thống nhất với lời trình bày của Anh T về vấn đề hôn nhân cũng như mâu thuẫn của vợ chồng. Nay chị C cũng cảm thấy không còn tình cảm với Anh T nữa nên chị C đồng ý ly hôn, về con chung do không có nên không đặt ra yêu cầu giải quyết và về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị C thống nhất lời trình bày của anh T về tài sản chung được cha mẹ cho trong thời kỳ hôn nhân gồm: 01 lắc tay vàng 18k trọng lượng 15 chỉ, 01 dây chuyền vàng 18k trọng lượng 03 chỉ, 08 chỉ vàng 24k. Đối với 08 chỉ vàng 24k chị C đã bán được số tiền 43.000.000 đồng và chị đồng ý trả cho anh T 21.500.000 đồng như anh T đặt ra yêu cầu. Còn lại 01 lắc tay vàng 18k trọng lượng 15 chỉ, 01 dây chuyền 18k trọng lượng 03 chỉ, sau khi chị C và anh T ly thân do chưa xin được việc làm nên chị C đã bán để chi tiêu, mua sắm các vật dụng thiết yếu phục vụ cuộc sống cá nhân hết. Tất cả tài sản hiện nay không còn nên không đồng ý trả số vàng này cho anh T.

Tại phiên tòa:

Các đương sự giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình tố tụng tại Tòa án, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Anh T và chị C chung sống với nhau từ năm 2021, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật ngày 21/5/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Mỹ B, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Giữa Anh T và chị C phát sinh mâu thuẫn, chị C và anh T thống nhất thuận tình ly hôn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh T và chị C. Về con chung: không có, nên đề nghị không xem xét. Đối với tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung đối với số tiền 43.000.000 đồng cuả anh T và chị C, buộc chị C trả cho anh T 21.500.000 đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh T, buộc chị C trả cho anh T giá trị 09 chỉ vàng 18k (giá tại thời điểm xét xử là 4.042.000 đồng/chỉ) tương đương 36.378.000 đồng. Về nợ chung do không có nên đề nghị không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

Về tố tụng: Anh Phan Thanh T yêu cầu ly hôn với Chị Lê Trang Bảo C, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn Chị Lê Trang Bảo C có nơi cư trú hiện nay tại khóm N, phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Thanh T và chị Lê Trang Bảo C có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 21/5/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Mỹ B, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, anh T có đơn yêu cầu ly hôn, chị C đồng ý ly hôn cho thấy mâu thuẫn đã trầm trọng,cả hai bên không thiết tha vụ đắp cuộc sống gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh Phan Thanh T và Chị Lê Trang Bảo C.

[2] Về nuôi con chung: Anh T và chị C không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung:

Anh Phan Thanh T và chị Lê Trang Bảo C thống nhất xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của anh chị gồm có 01 lắc tay vàng 18k trọng

lượng 15 chỉ, 01 dây chuyền vàng 18k trọng lượng 03 chỉ, 08 chỉ vàng 24k, đây là tình tiết sự kiện được các đương sự thống nhất thừa nhận không phải chứng minh.

Đối với 08 chỉ vàng 24k chị C đã bán được số tiền 43.000.000 đồng và chị đồng ý trả cho anh T 21.500.000 đồng, anh T cũng đồng ý, là sự tự nguyện của các đương sự, không trái quy định pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện phân chia tài sản chung của các đương sự về phần này.

Đối với tài sản là 01 lắc tay vàng 18k trọng lượng 15 chỉ, 01 dây chuyền vàng 18k trọng lượng 03 chỉ, các tài sản này chị C là người trực tiếp quản lý nên anh Phan Thanh T yêu cầu được nhận giá trị thành tiền của ½ tài sản này, chị Lê Trang Bảo C xác định số vàng này chị đã bán và chi tiêu cá nhân hết sau khi chị C và anh T ly thân nên không còn vì vậy không đồng ý trả giá trị tài sản cho anh T.

Xét ý kiến trình bày của các đương sự thấy rằng, các đương sự đều thống nhất các tài sản do chị C quản lý, sau khi chị C và anh T ly thân chị C đã bán và chi tiêu cá nhân cho thấy việc chị C định đoạt tài sản này có sự đồng ý của anh T. Chị C cũng không chứng minh được số tiền bán tài sản được sử dụng cho nhu cầu thiết yếu của vợ chồng, căn cứ khoản 1 Điều 35 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 về Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung quy định "*Việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung do vợ chồng thỏa thuận*" chị C chỉ được quyền định đoạt phần tài sản của mình trong khối tài sản chung vợ chồng không có quyền định đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của anh T. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, chị C có nghĩa vụ hoàn lại cho anh T giá trị thành tiền của ½ tài sản bằng 09 chỉ vàng 18k.

Căn cứ kết quả trả lời của Tiệm vàng Kim Tín, Tiệm vàng Tám Tỷ trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu thì giá vàng 18k tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 03/3/2023 là 4.042.000 đồng/chỉ. Giá trị 09 chỉ vàng 18k bằng 4.042.000 đồng/chỉ x 09 chỉ = 36.378.000 đồng nên chị Lê Trang Bảo C phải trả cho anh Phan Thanh T giá trị thành tiền của 09 chỉ vàng 18k tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 36.378.000 đồng.

[4] Về nợ chung: Anh T và chị C xác định không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tại phiên tòa.

[5] Về án phí:

Anh Phan Thanh T có yêu cầu xin ly hôn với chị Lê Trang Bảo C và chị C đồng ý ly hôn nên anh T, chị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật mỗi người 75.000 đồng.

Án phí chia tài sản chung: Buộc anh Phan Thanh T và chị Lê Trang Bảo C mỗi người phải nộp số tiền (21.500.000 đồng + 36.378.000 đồng) x 5% = 2.893.900 đồng.

Anh Phan Thanh T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.550.000 đồng theo biên lai thu số 0008323 ngày 12/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí. Anh T còn phải nộp tiếp 418.900 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 55; Điều 35; Điều 45 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh Phan Thanh T đối với chị Lê Trang Bảo C.

2. Về con chung: Không có nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết

3. Về tài sản chung:

Ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung đối với số tiền 43.000.000 đồng cuả anh Phan Thanh T và chị Lê Tranh Bảo C, buộc chị C trả cho anh T 21.500.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thanh T, buộc chị Lê Trang Bảo C trả cho anh Phan Thanh T giá trị thành tiền của 09 chỉ vàng 18k tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 36.378.000 đồng.

4, Về nợ chung: Không có nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc anh Phan Thanh T và chị Lê Trang Bảo C mỗi người phải nộp là 75.000 đồng .

Án phí chia tài sản chung: Buộc anh Phan Thanh T và chị Lê Trang Bảo C mỗi người phải nộp 2.893.900 đồng.

Anh Phan Thanh T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.550.000 đồng theo biên lai thu số 0008323 ngày 12/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí. Anh T còn phải nộp tiếp 418.900 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Án xử công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND thành Tp. Bạc Liêu;
-CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
-UBND nơi đăng ký kết hôn;
-Đương sự;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thị Tuyết Anh